

ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ LỤC BA

Số: 3./.../TB-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lục Ba, ngày 10 tháng 01 năm 2024

## THÔNG BÁO

### Công bố công khai Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 xã Lục Ba

Căn cứ Luật Đất đai, ngày 29 tháng 11 năm 2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật liên quan đến quy hoạch; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh và thẩm định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Căn cứ theo Quyết định số 3499/QĐ-UBND ngày 30/12/2023 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Đại Từ.

Ủy ban nhân dân xã Lục Ba công bố công khai Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của xã Lục Ba tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND xã Lục Ba.

- Các ông (bà) trưởng xóm có trách nhiệm:

+ Thông báo cho các hộ gia đình, cá nhân có đơn xin chuyển mục đích sử dụng đất đã được UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2024; đến trụ sở UBND xã Lục Ba gặp công chức địa chính để được hướng dẫn lập hồ sơ theo quy định. ( Có danh sách các hộ kèm theo).

Ủy ban nhân dân xã Lục Ba thông báo đến toàn bộ tổ chức, đơn vị, cá nhân trên địa bàn xã được biết./.

*Nơi nhận:*

- Các ông ( bà) trưởng xóm ( T/H);
- Lưu: VP.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Hoàng Minh Hòa

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *3499* /QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 30 tháng 12 năm 2023

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Đại Từ

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/ND-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 105/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc thông qua danh mục và điều chỉnh danh mục các dự án thu hồi đất, các dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 2070/QĐ-UBND ngày 30/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Đại Từ thời kỳ 2021-2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 999/TTr-STNMT ngày 27 tháng 12 năm 2023.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Đại Từ với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

1. Diện tích các loại đất phân bổ trong năm kế hoạch

Tổng diện tích các loại đất phân bổ năm 2024 là 1.143,29 ha.

(Chi tiết tại phụ lục I kèm theo)

2. Kế hoạch thu hồi các loại đất

Tổng diện tích thu hồi đất năm 2024 là 1.027,45 ha.

(Chi tiết tại phụ lục II kèm theo)



### 3. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất

Tổng diện tích chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024 là 962,43 ha.

*(Chi tiết tại phụ lục III kèm theo)*

### 4. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng

Tổng diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng năm 2024 là 2,91 ha.

*(Chi tiết tại phụ lục IV kèm theo)*

### 5. Danh mục các công trình, dự án

Tổng số công trình, dự án thực hiện năm 2024 là 174 công trình, dự án, với diện tích sử dụng đất là 1.143,29 ha. Trong đó:

- 129 công trình, dự án chuyển tiếp sang thực hiện năm 2024, với diện tích sử dụng đất là 910,30 ha.

*(Chi tiết tại phụ lục V kèm theo)*

- 45 công trình, dự án đăng ký mới năm 2024, với diện tích sử dụng đất là 232,99 ha.

*(Chi tiết tại phụ lục VI và danh sách chi tiết kèm theo)*

### 6. Điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất huyện Đại Từ

- Điều chỉnh tên, địa điểm, diện tích đối với 14 dự án đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 4125/QĐ-UBND ngày 30/12/2020, Quyết định số 2887/QĐ-UBND ngày 14/9/2021, Quyết định số 4243/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 và Quyết định số 3414/QĐ-UBND ngày 30/12/2022. Các nội dung khác vẫn giữ nguyên theo Quyết định số 4125/QĐ-UBND ngày 30/12/2020, Quyết định số 2887/QĐ-UBND ngày 14/9/2021, Quyết định số 4243/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 và Quyết định số 3414/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh Thái Nguyên.

- Nguyên nhân, lý do điều chỉnh: Hội đồng nhân dân tỉnh đã thông qua điều chỉnh tên, diện tích tại Nghị quyết số 105/NQ-HĐND ngày 8/12/2023.

*(Chi tiết tại phụ lục VII kèm theo)*

### 7. Huỷ bỏ Kế hoạch sử dụng đất

Huỷ bỏ Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 đối với 101 công trình, dự án trên địa bàn huyện Đại Từ do đã quá 3 năm chưa thực hiện theo quy định tại Khoản 3, Điều 49 Luật Đất đai 2013 (được sửa đổi tại Khoản 1 Điều 6 Luật số 35/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch).

*(Chi tiết tại phụ lục VIII kèm theo)*

**Điều 2.** Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, Ủy ban nhân dân huyện Đại Từ có trách nhiệm:

1. Công bố công khai kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai;

2. Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm toàn diện về thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất phải phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch của các ngành, lĩnh vực có liên quan, đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật;

3. Đối với các dự án có chuyển mục đích sử dụng từ 10 héc ta đất trồng lúa trở lên; từ 20 ha đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trở lên, Ủy ban nhân dân huyện Đại Từ hướng dẫn các chủ đầu tư hoàn thiện đầy đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, gửi đến Sở Tài nguyên và Môi trường để báo cáo UBND tỉnh, trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trước khi thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 68 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

4. Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đại Từ và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *AW*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
  - TT Tỉnh ủy;
  - TT HĐND tỉnh;
  - Đoàn ĐBQH tỉnh;
  - Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
  - TT. Thông tin tỉnh;
  - Lưu: VT, CNNXD, TH.
- Hiepcl/qd/112

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Quang Tiên



**DANH SÁCH CHI TIẾT XIN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT CỦA HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN  
NĂM 2024 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐẠI TỪ**

(Kèm theo Quyết định số 3423/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2023  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)



STT	Họ và tên chủ sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn)	Thửa đất số	Tờ bản đồ số	Loại đất	Diện tích, loại đất xin chuyển mục đích (ha)			
						Tổng diện tích xin chuyển mục đích	Trong đó:		
							Sang đất ở	Sang đất trồng cây lâu năm	Sang đất trồng cây hàng năm khác
<b>I</b>	<b>Xã Minh Tiến</b>								
1	Nguyễn Tô Lịch	Xã Minh Tiến	558	14	LUC	0,0536		0,0536	
		Xã Minh Tiến	580	14	LUC	0,0549		0,0549	
2	Nguyễn Văn Thân	Xã Minh Tiến	288	11	LUC	0,079		0,079	
<b>II</b>	<b>Xã La Bằng</b>								
1	Lương Văn Quý	Xã La Bằng	2	8	CLN	0,04	0,04		
2	Lương Thị Mùi	Xã La Bằng	504	25	BHK	0,067		0,067	
			533	25	BHK	0,04		0,04	
			534	25	BHK	0,015		0,015	
			495	25	LUC	0,01		0,01	
			496	25	LUC	0,014		0,014	
3	Lê Văn Thư	Xã La Bằng	128	52	CLN	0,04	0,04		
4	Triệu Văn Đông	Xã La Bằng	24	16	TSN	0,02	0,02		
<b>III</b>	<b>Xã Đức Lương</b>								
1	Triệu Quang Hương	Xã Đức Lương	85	47	CLN	0,02	0,02		
2	Đặng Đình Quý	Xã Đức Lương	101	45	LUK	0,02	0,02		
3	Đặng Văn Kiên	Xã Đức Lương	100	45	LUK	0,02	0,02		
4	Lộc Văn Chấn	Xã Đức Lương	63; 84	46	NTS	0,0613		0,0613	
5	Triệu Văn Tuấn	Xã Đức Lương	8	45	CLN	0,027	0,027		
<b>IV</b>	<b>XÃ LỤC BA</b>								
1	Đình Hữu Đức	Xã Lục Ba	237(55+56)	36	CLN	0,04	0,04		
2	Nguyễn Xuân Bất	Xã Lục Ba	14	54	CLN	0,0141	0,0141		
3	Nguyễn Đình Quân	Xã Lục Ba	9	54	CLN	0,0142	0,0142		
4	Đình Hồng Quang	Xã Lục Ba	141	34	LUK	0,0227		0,0227	
5	Trần Đình Hưng	Xã Lục Ba	204	9	CLN	0,0256	0,0256		
6	Đình Thị Khải	Xã Lục Ba	113	31	LUC	0,0192		0,0192	
			95	34	LUK	0,0345		0,0345	
			96	34	LUK	0,012		0,012	
7	Trần Đình Thắng	Xã Lục Ba	153	33	CLN	0,04	0,04		
8	Trần Đình Châu	Xã Lục Ba	300(184)	10	CLN	0,028	0,028		
9	Trương Duy Hùng	Xã Lục Ba	413(331,332)	38	CLN	0,03	0,03		
10	Lương Văn Thức	Xã Lục Ba	412	38	CLN	0,03	0,03		
11	Nguyễn Thị Phượng	Xã Lục Ba	399	29	CLN	0,0129	0,0129		
12	Trần Đình Hành	Xã Lục Ba	176	7	CLN	0,03	0,03		
13	Nguyễn Xuân Hiền	Xã Lục Ba	388(29)	33	CLN	0,02	0,02		
<b>V</b>	<b>Xã Khôi Kỳ</b>								
1	Đới Duy Hậu	Xã Khôi Kỳ	623 (456)	18	NTS	0,0157	0,0157		
2	Chu Văn Tuyên	Xã Khôi Kỳ	1	29	LUC	0,0104	0,0104		
3	Lương Ngọc Hiền	Xã Khôi Kỳ	416 (295)	27	CLN	0,015	0,015		
4	Ma Văn Cương	Xã Khôi Kỳ	202	27	RSX	0,02	0,02		
5	Đình Thị Phương	Xã Khôi Kỳ	121	47	BHK	0,01215	0,01215		
6	Đào Ngọc Dương	Xã Khôi Kỳ	72	46	CLN	0,03	0,03		
7	Trần Trọng Hiệp	Xã Khôi Kỳ	123	25	LUC	0,03	0,03		
8	Lê Văn Tĩnh	Xã Khôi Kỳ	240	15	CLN	0,012	0,012		
9	Mai Thành Hiếu	Xã Khôi Kỳ	28	25	CLN	0,04	0,04		
10	Phạm Duy Bách	Xã Khôi Kỳ	228	15	CLN	0,02	0,02		